



Số: 05/2026/CBTT-HVS

(V/v: CBTT BCTC kiểm toán năm 2025 và giải trình LNST năm 2025)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HVS VIỆT NAM
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 05/2026/CBTT-HVS
MST: 006032700
Reason: I am the author of this document
Date: 2026.03.26 10:01:54+0700
File: PDF Reader
Version: 12.0.1

- Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HVS VIỆT NAM**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4 Trung tâm Thương mại Dịch vụ Công Vị, số 2 Phố Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (84-24) 38869999 Fax: (84-24) 36888886
- Người thực hiện công bố thông tin: **Văn Lê Hằng** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Loại thông tin công bố:
 - 24 giờ
 - 72 giờ
 - bất thường
 - theo yêu cầu
 - định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Chứng Khoán HVS Việt Nam (Công ty) công bố Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán; giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025 tăng trên 10% so với năm 2024 và kết quả kinh doanh chuyển từ lỗ sang lãi.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 26/03/2026 tại đường dẫn <https://hvs.vn.com/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.J.

Người thực hiện công bố thông tin

Chủ tịch HĐQT

Văn Lê Hằng

CÔNG TY CỔ
PHẦN
CHỨNG
KHOÁN HVS
VIỆT NAM

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN CHỨNG KHOÁN HVS VIỆT
NAM
DN: C=VN, L=THÀNH PHỐ HÀ NỘI,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG
KHOÁN HVS VIỆT NAM,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:0306353700
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2026.03.24 16:25:55+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.0.1

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN HVS VIỆT NAM

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HVS VIỆT NAM

Tầng 4, Trung tâm Thương mại Dịch vụ Công Vị, Số 2 Phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo tình hình tài chính	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Văn Lê Hằng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên
Ông Trịnh Bình Long	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Mai Ngọc Anh	Trưởng ban
Ông Dương Bá Phước	Thành viên
Bà Vũ Thị Hòa	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 10/4/2025)
Bà Ngô Thị Hồng Nhung	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10/4/2025)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Tiền Quốc Việt	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà Văn Lê Hằng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0306353700 do Sở tài chính Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/12/2008 và lần thay đổi gần nhất là lần thứ 14 ngày 08/11/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc công bố rằng, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Tiền Quốc Việt
Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 01/2025/UQ/CTHQQT-HVS ngày 17/9/2025

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Số: 32/2026/RSMHN-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP*V/V: Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
của Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam***Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam*****Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính***

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày kèm theo được trình bày từ trang 06 đến trang 26. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài nước CHXHCN Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**SỨC MẠNH TỪ VIỆC THẤU HIỂU
KIỂM TOÁN | THUẾ | TƯ VẤN**

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh 4.10 "Vốn chủ sở hữu", theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ/HVS ngày 19/4/2024 và Tờ trình Đại hội đồng cổ đông số 06/2024/TT-ĐHĐCĐ/HVS ngày 28/3/2024, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 300.195.980.000 VND vào ngày 12/5/2025. Theo Báo cáo tiến độ sử dụng vốn sửa đổi, bổ sung ngày 02/12/2025 do Công ty công bố, tính đến thời điểm lập báo cáo, Công ty đã giải ngân một phần số tiền thu được (3.995.980.000 VND) cho các hoạt động hợp pháp khác theo phương án đã được phê duyệt. Đối với phần vốn chưa sử dụng đến (dự kiến phân bổ cho hoạt động tự doanh và cho vay giao dịch ký quỹ), Công ty đang tạm thời duy trì dưới hình thức các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và số dư trên tài khoản thanh toán nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn trong thời gian chờ giải ngân. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.



Lê Đại Dương
Giám đốc Kiểm toán
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
4650-2026-026-1

Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Thành viên Hãng RSM Quốc tế

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Vũ Tất Ban
Kiểm toán viên
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
5110-2025-026-1



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
 Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		253.942.679.295	8.632.799.914
I. Tài sản tài chính	110		252.738.863.188	8.437.567.704
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	4.1	251.000.901.552	7.583.247.704
1.1. Tiền	111.1		3.000.901.552	7.583.247.704
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		248.000.000.000	-
2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113		-	-
3. Các khoản phải thu	117		1.045.561.636	-
3.1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	4.2	1.045.561.636	-
3.1.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		1.045.561.636	-
3. Trả trước cho người bán	118	4.3	692.400.000	354.320.000
5. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119		-	600.000.000
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		1.203.816.107	195.232.210
1. Tạm ứng	131		224.440.500	160.461.853
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	4.4	979.375.607	34.770.357
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.568.867.792	2.284.481.901
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.044.705.095	1.143.932.522
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	5.811.840.512	1.143.932.522
Nguyên giá	222		6.609.035.966	1.193.440.246
Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(797.195.454)	(49.507.724)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.6	232.864.583	-
Nguyên giá	228		285.000.000	30.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(52.135.417)	(30.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240	4.7	836.500.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	250		1.687.662.697	1.140.549.379
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	4.8	602.801.600	602.801.600
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	4.4	1.084.861.097	537.747.779
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		262.511.547.087	10.917.281.815

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.041.029.668	884.707.083
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		1.041.029.668	884.707.083
1. Phải trả người bán ngắn hạn	320	4.9	342.585.623	474.250.464
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322		74.801.080	23.744.805
3. Phải trả người lao động	323		588.703.385	305.942.075
4. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		539.600	539.600
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	325		32.400.000	75.822.139
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		2.000.000	4.408.000
II. Nợ phải trả dài hạn	340		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.10	261.470.517.419	10.032.574.732
I. Vốn chủ sở hữu	410		261.470.517.419	10.032.574.732
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.195.980.000	50.200.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		300.195.980.000	50.200.000.000
1.1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		300.195.980.000	50.200.000.000
2. (Lỗ) lũy kế	417		(38.725.462.681)	(40.167.425.268)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		262.511.547.087	10.917.281.815

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006		30.019.598	5.020.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			-	-



Trần Quốc Việt
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Năm
Phụ trách Kế toán

Nguyễn Thị Năm
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG		5.1	9.748.159.993	785.021.932
1.1. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02		6.848.159.993	285.021.932
1.2. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	03		2.900.000.000	500.000.000
Cộng doanh thu hoạt động	20		9.748.159.993	785.021.932
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	5.2	1.428.670.392	122.414.575
Cộng chi phí hoạt động	40		1.428.670.392	122.414.575
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Doanh thu, dự thu cố tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		36.702.003	5.868.674
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		36.702.003	5.868.674
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			-	-
Cộng chi phí tài chính	60		-	-
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG			-	-
61			-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	5.3	6.609.649.858	1.576.796.656
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		1.746.541.746	(908.320.625)
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	31		500.000	200.000
8.2. Chi phí khác	32		110.421.087	210.532.950
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(109.921.087)	(209.732.950)
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN/(LỖ) TRƯỚC THUẾ	90	5.4	1.636.620.659	(1.118.053.575)
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		194.657.972	-
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	5.4	194.657.972	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN/(LỖ) SAU THUẾ TNDN	200		1.441.962.687	(1.118.053.575)
XII. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		-	-
Tổng thu nhập toàn diện	400		-	-
XIII. THU NHẬP THUẬN/(LỖ) TRÊN CỔ PHIẾU				
PHỔ THÔNG	500		1.441.962.687	(1.118.053.575)
13.1. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	4.10.4	68,59	(222,72)
13.2. Thu nhập/(lỗ) pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	502		68,59	(222,72)



Tiền Quốc Việt
 Tổng Giám đốc
 Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Năm
 Phụ trách Kế toán

Nguyễn Thị Năm
 Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01	5.4	1.636.620.659	(1.118.053.575)
2. Điều chỉnh cho các khoản	02			
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.6	769.823.147	49.507.724
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	07		(36.702.003)	(5.868.674)
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		2.369.741.803	(1.074.414.525)
- (Tăng)/giảm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		-	10.800.000.000
- (Tăng)/giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		(1.045.561.636)	180.197.261
- Giảm/(tăng) phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		500.000.000	(500.000.000)
- (Tăng) các khoản phải thu khác	39		(478.558.647)	(94.684.853)
- (Tăng) các tài sản khác	40		-	(602.801.600)
- (Giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(43.422.139)	(9.044.861)
- (Tăng) chi phí trả trước	42		(1.491.718.568)	(556.016.707)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	43		(150.000.000)	-
- (Giảm)/tăng phải trả cho người bán	45		(297.439.758)	87.107.964
- Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		-	440.000
- Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		6.398.283	23.744.805
- Tăng phải trả người lao động	48		282.751.310	277.142.075
- (Giảm)/tăng phải trả, phải nộp khác	50		(2.408.000)	4.408.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(350.207.352)	8.536.077.559
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	61		(6.264.820.803)	(1.138.617.746)
2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		36.702.003	5.868.674
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(6.228.118.800)	(1.132.749.072)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71	4.10	249.995.980.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		249.995.980.000	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	90		243.417.653.848	7.403.328.487
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	4.1	7.583.247.704	179.919.217
Tiền	101.1		7.583.247.704	179.919.217
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	103	4.1	251.000.901.552	7.583.247.704
Tiền	103.1		3.000.901.552	7.583.247.704
Các khoản tương đương tiền	103.2		248.000.000.000	-

PHÂN LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
II. Tiền và các khoản tương đương tiền của khách hàng				
III. Tiền và cá khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng				



Tiền Quốc Việt
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Năm
Phụ trách Kế toán

Nguyễn Thị Năm
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HVS VIỆT NAM

Tầng 4, Trung tâm Thương mại Dịch vụ Công Vị, Số 2 Phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	TM	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm trong năm				Số dư cuối năm	
		Tại ngày 01/01/2025	Tại ngày 01/01/2024	Năm 2025		Năm 2024		Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.10	50.200.000.000	50.200.000.000	249.995.980.000	-	-	-	300.195.980.000	50.200.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông cơ quyền biểu quyết		50.200.000.000	50.200.000.000	249.995.980.000	-	-	-	300.195.980.000	50.200.000.000
2. (Lỗ) lợi kế		(40.167.425.268)	(39.049.371.693)	1.441.962.687	-	(1.118.053.575)	-	(38.725.462.581)	(40.167.425.268)
2.1. (Lỗ) (lợi) kế		(40.167.425.268)	(39.049.371.693)	1.441.962.687	-	(1.118.053.575)	-	(38.725.462.581)	(40.167.425.268)
Cộng		10.032.574.732	11.150.628.307	251.437.942.687	-	(1.118.053.575)	-	251.470.517.419	10.032.574.732
II. Thu nhập toán diện khác									
Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán									
Cộng									



(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Năm
Phụ trách Kế toán

(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Năm
Người lập

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 99/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15/12/2008 và lần thay đổi bổ sung gần nhất ngày 13/10/2025 theo Giấy phép điều chỉnh số 110/GPĐC-UBCK bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0306353700 do Sở tài chính Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/12/2008 với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 14 ngày 08/11/2025 thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

Vốn điều lệ theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán mới nhất là 300.195.980.000 VND, chia thành 30.019.598 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu).

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy phép thành lập và hoạt động chứng khoán được đặt tại Tầng 4, Trung tâm Thương mại Dịch vụ Cống Vị, Số 2 Phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 24 người (tại ngày 01/01/2025 là 19 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Về việc tăng vốn điều lệ và tiến độ sử dụng vốn: Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ/HVS ngày 19/4/2024 và Tờ trình Đại hội đồng cổ đông số 06/2024/TTr-ĐHĐCĐ/HVS ngày 28/3/2024, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ bằng việc chào bán cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu. Các cổ đông đã hoàn thành việc góp vốn bằng tiền vào ngày 12/5/2025. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp ngày 08/11/2025, vốn điều lệ của Công ty được nâng từ 50.200.000.000 VND lên 300.195.980.000 VND. Căn cứ theo Báo cáo tiến độ sử dụng vốn sửa đổi, bổ sung công bố ngày 02/12/2025, Công ty đã giải ngân 3.995.980.000 VND cho các hoạt động hợp pháp khác theo phương án đã được phê duyệt. Phần vốn huy động chưa sử dụng đến được Công ty tạm thời chuyển sang các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và duy trì trên tài khoản thanh toán tại ngân hàng nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn trong thời gian chờ tiếp tục giải ngân cho hoạt động tự doanh và cho vay giao dịch ký quỹ.

Về việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán: Theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 110/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13/10/2025, Công ty đã được chấp thuận bổ sung các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán mới, bao gồm nghiệp vụ môi giới chứng khoán và tự doanh chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phân ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài nước CHXHCN Việt Nam.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 Các khoản phải thu (tiếp)

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động.

3.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Phần mềm;
- Chi phí trả trước khác.

3.6 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05
Máy móc, thiết bị	03

3.7 Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được coi là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.8 Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc; Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 Doanh thu hoạt động

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phản công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của năm đó.

3.11 Chi phí quản lý công ty chứng khoán

Chi phí quản lý công ty chứng khoán phản ánh các chi phí quản lý chung của công ty chứng khoán gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý công ty chứng khoán (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý công ty chứng khoán; Chi phí công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty chứng khoán; thuế môn bài; Chi phí dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại,...); Chi phí bằng tiền khác (tiếp khách).

3.12 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.13 Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính. Năm 2025, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 15% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Hoạt động kinh doanh tư vấn đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	3.000.901.552	7.583.247.704
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1.031.456	1.031.456
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - Chi nhánh Đông Đô	2.764.522.932	6.274.056.722
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội	235.347.164	1.308.159.528
Các khoản tương đương tiền (i)	248.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội	133.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - Chi nhánh Đông Đô	105.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	10.000.000.000	-
Cộng	251.000.901.552	7.583.247.704

(i) Thông tin chi tiết của các khoản tương đương tiền như sau:

Ngân hàng	Tại ngày 31/12/2025 (VND)	Lãi suất (%)	Thời hạn gửi
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	133.000.000.000	4,5 - 4,75	Từ 01 tháng đến 02 tháng
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - Chi nhánh Đông Đô	105.000.000.000	4,5	02 tháng
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	10.000.000.000	4,75	02 tháng

4.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
	VND	VND
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận (i)	1.045.561.636	-
Cộng	1.045.561.636	-

(i) Đây là lãi dự thu của các khoản tương đương tiền được trình bày lại Thuyết minh 4.1 "Tiền và các khoản tương đương tiền".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

4.3 Trả trước cho người bán

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Trả trước cho bên thứ ba		
Công ty TNHH Kinh doanh Xây dựng và Nội thất An Phú	660.000.000	242.000.000
Công ty CP Phần mềm Bravo	-	76.500.000
Các đối tượng khác	32.400.000	35.820.000
Cộng	692.400.000	354.320.000

4.4 Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	2.225.967	5.518.322
Bản quyền, phần mềm	176.400.068	4.293.000
Chi phí vận hành máy chủ	262.395.913	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	538.353.659	24.959.035
Cộng	979.375.607	34.770.357
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	607.242.110	515.561.554
Chi phí sửa chữa văn phòng	341.117.812	-
Phần mềm	13.398.900	18.177.900
Chi phí trả trước dài hạn khác	123.102.275	4.008.325
Cộng	1.084.861.097	537.747.779

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2025	86.223.102	1.107.217.144	1.193.440.246
Mua sắm	-	5.415.595.720	5.415.595.720
Tại ngày 31/12/2025	86.223.102	6.522.812.864	6.609.035.966
HAO MÓN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2025	287.410	49.220.314	49.507.724
Khấu hao	17.242.764	730.444.966	747.687.730
Tại ngày 31/12/2025	17.530.174	779.665.280	797.195.454
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2025	85.935.692	1.057.996.830	1.143.932.522
Tại ngày 31/12/2025	68.692.928	5.743.147.584	5.811.840.512

4.6 Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2025	30.000.000	30.000.000
Mua sắm	255.000.000	255.000.000
Tại ngày 31/12/2025	285.000.000	285.000.000
HAO MÓN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2025	30.000.000	30.000.000
Khấu hao	22.135.417	22.135.417
Tại ngày 31/12/2025	52.135.417	52.135.417
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2025	-	-
Tại ngày 31/12/2025	232.864.583	232.864.583

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 30.000.000 VND (tại ngày 01/01/2025 là 30.000.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Mua sắm tài sản cố định	836.500.000	-
Hệ thống phần mềm máy tính	836.500.000	-
Cộng	836.500.000	-

4.8 Cầm cổ, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty CP Đông Đô (I)	597.801.600	597.801.600
Công ty CP Di chuyển xanh và Thông minh (GSM) (Xanh SM)	5.000.000	5.000.000
Cộng	602.801.600	602.801.600

(I) Đây là khoản tiền đặt cọc tiền thuê văn phòng tại Tầng 4, Khối 5 tầng của Trung tâm thương mại Dịch vụ Công Vị tại Số 2 Phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội theo Phụ lục số 05, kèm theo Hợp đồng số 06C/2024/HĐTMB/ĐĐ-HVS ngày 23/4/2024, kỳ hạn 05 năm kể từ ngày 01/11/2024.

4.9 Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty CP Đông Đô	10.957.913	263.032.702
Công ty CP Công nghệ và Thương mại Nam Hải	-	60.272.500
Công ty CP Xây dựng và Nội thất Nhị Hà	-	55.088.620
Công ty CP Công nghệ Bằng Hữu	179.036.910	-
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT	93.528.000	-
Viễn thông Hà Nội - Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính	42.484.200	-
Viễn thông Việt Nam	16.578.600	95.856.642
Các đối tượng khác	-	-
Cộng	342.585.623	474.250.464

Toán bộ các khoản phải trả người bán trên là số Công ty có khả năng trả nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

4.10. Vốn chủ sở hữu

4.10.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu		Tổng cộng VND
	VND	(Lỗ) lũy kế VND	
Tại ngày 01/01/2024	50.200.000.000	(39.049.371.693)	11.150.628.307
(Lỗ) trong năm	-	(1.118.053.575)	(1.118.053.575)
Tại ngày 31/12/2024	50.200.000.000	(40.167.425.268)	10.032.574.732
Tại ngày 01/01/2025	50.200.000.000	(40.167.425.268)	10.032.574.732
Góp vốn (i)	249.995.980.000	-	249.995.980.000
Lãi trong năm	-	1.441.962.687	1.441.962.687
Tại ngày 31/12/2025	300.195.980.000	(38.725.462.581)	261.470.517.419

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ/HVS ngày 19/4/2024 và Tờ trình Đại hội đồng cổ đông số 06/2024/TTr-ĐHĐCĐ/HVS ngày 28/3/2024, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ bằng việc chào bán cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu, nâng tổng số vốn điều lệ lên 300.195.980.000 VND. Các cổ đông đã hoàn thành việc góp vốn bằng tiền gửi ngân hàng vào ngày 12/5/2025. Căn cứ theo Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán sửa đổi, bổ sung công bố ngày 02/12/2025, Công ty đã sử dụng 3.995.980.000 VND để thanh toán các chi phí triển khai hệ thống phần mềm, tiền thuê văn phòng và chi phí nhân sự. Số tiền chưa sử dụng đến được Công ty tạm thời chuyển sang các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và duy trì trên tài khoản thanh toán nhằm tối ưu hóa lợi nhuận trong thời gian chờ tiếp tục giải ngân cho hoạt động tự doanh và cho vay giao dịch ký quỹ theo phương án đã phê duyệt.

4.10.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tên cổ đông	Số vốn đã góp			
	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND	%	VND	%
Bà Văn Lê Hằng	272.611.330.000	90,81	45.587.180.000	90,81
Bà Ngô Thị Thủy	14.709.600.000	4,90	2.459.800.000	4,90
Bà Lê Như Hoa	12.875.050.000	4,29	2.153.020.000	4,29
Cộng	300.195.980.000	100	50.200.000.000	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHI TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

4.10 Vốn chủ sở hữu (tiếp)

4.10.3 Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2025 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.019.598	5.020.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.019.598	5.020.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	30.019.598	5.020.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.019.598	5.020.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	30.019.598	5.020.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

4.10.4 Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.441.962.687	(1.118.053.575)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	21.022.490	5.020.000
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	68,59	(222,72)

Hiện tại, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu nên thu nhập/(lỗ) pha loãng trên cổ phiếu bằng với lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

5.1 Doanh thu hoạt động

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Từ tài sản tài chính HTM (i)	6.848.159.993	285.021.932
Từ cung cấp dịch vụ tư vấn chứng khoán (ii)	2.900.000.000	500.000.000
Cộng	9.748.159.993	785.021.932

(i) Đây là lãi của các khoản tiền gửi có kỳ hạn được trình bày tại Thuyết minh 4.1 "Tiền và các khoản tương đương tiền".

(ii) Đây là doanh thu từ các hợp đồng tư vấn chứng khoán ký với các khách hàng cá nhân.

5.2 Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán (i)	1.428.670.392	122.414.575
Cộng	1.428.670.392	122.414.575

(i) Đây là các chi phí nhân viên thực hiện nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán.

5.3 Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.562.305.079	1.066.793.898
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	220.755.027	45.029.812
Chi phí khấu hao tài sản	769.823.147	49.507.724
Thuế và các khoản lệ phí	48.000.000	3.000.000
Chi phí thuê văn phòng	1.648.338.278	263.032.704
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.309.130.407	49.470.000
Chi phí khác bằng tiền	51.297.920	99.962.518
Cộng	6.609.649.858	1.576.796.656

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)

5.4 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi/(lỗ) theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động.

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	1.636.620.659	(1.118.053.575)
Các khoản điều chỉnh	110.421.087	232.963.222
Chi phí không được trừ	110.421.087	232.963.222
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.747.041.746	(885.090.353)
Chuyển lỗ tính thuế của năm trước (i)	(449.321.930)	-
Thu nhập tính thuế của năm	1.297.719.816	(885.090.353)
Thuế suất (%) (ii)	15%	20%
Thuế TNDN ước tính trong năm	194.657.972	-
CP thuế TNDN hiện hành ước tính	194.657.972	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	-	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(150.000.000)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	44.657.972	-

(i) Theo Biên bản xác nhận số liệu kiểm tra của Thanh tra thuế Thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/8/2025, số lỗ tính thuế năm 2024 của Công ty được chuyển sang năm sau là 449.321.930 VND.

(ii) Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 và Nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025, Công ty áp dụng mức thuế suất trong năm 2025 là 15% do cơ sở tổng doanh thu năm trước liền kề không quá 03 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)

5.5. Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 05 năm tính từ năm tiếp theo sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Chi tiết các khoản đã chuyển trong năm và các khoản lỗ tính thuế còn lại ước tính để chuyển lỗ như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Tình trạng kiểm tra thuế	Lỗ tính thuế (i) VND	Lỗ chưa sử dụng đến ngày 01/01/2025 VND	Chuyển lỗ trong năm VND	Không còn hiệu lực VND	Chưa sử dụng đến ngày 31/12/2025 VND
2024	2029	Đã QT	449.321.930	449.321.930	449.321.930	-	-
Cộng lỗ tính thuế			449.321.930	449.321.930	449.321.930	-	-

(i) Lỗ tính thuế được ghi nhận theo biên bản quyết toán thuế của Công ty.

Khoản lỗ thực tế có thể được mang sang để khấu trừ phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế địa phương.

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân công	3.990.975.471	1.189.208.473
Chi phí thuê văn phòng	1.648.338.278	263.032.704
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	220.755.027	45.029.812
Chi phí khấu hao tài sản cố định	769.823.147	49.507.724
Thuế và các khoản lệ phí	48.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.309.130.407	49.470.000
Chi phí khác bằng tiền	51.297.920	99.962.518
Cộng	8.038.320.250	1.699.211.231

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Từ 01 năm trở xuống	1.881.082.368	1.498.489.344
Trên 01 năm đến 05 năm	6.854.791.680	8.735.874.048
Cộng	8.735.874.048	10.234.363.392

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 408 m² tại Tầng 4, Khối 5 tầng của tòa nhà Trung tâm Thương mại Dịch vụ Công Vị tại Số 2 Phố Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội với giá thuê được mô tả tại bảng dưới đây. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với Công ty Cổ phần Đông Đô, thời hạn từ ngày 01/11/2024 đến ngày 31/10/2029.

Giai đoạn	Giá thuê (VND/tháng) (chưa bao gồm thuế GTGT)
Năm thứ 1 (từ ngày 01/11/2024 đến ngày 31/10/2025)	119.560.320
Năm thứ 2 (từ ngày 01/11/2025 đến ngày 31/10/2026)	151.443.072
Năm thứ 3 (từ ngày 01/11/2026 đến ngày 31/10/2027)	183.325.824
Năm thứ 4 (từ ngày 01/11/2027 đến ngày 31/10/2028)	199.267.200
Năm thứ 5 (từ ngày 01/11/2028 đến ngày 31/10/2029)	219.193.920

6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty là các cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty.

Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Công ty có phát sinh giao dịch với các bên liên quan như sau:

Cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Bà Văn Lê Hằng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị	1.200.000.000	-
Tư vấn đầu tư chứng khoán	1.200.000.000	-
Cộng	1.200.000.000	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)

Giáo dịch với các bên liên quan (tiếp)

Nhận vốn góp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Nhận vốn góp	249.995.980.000	-
Bà Văn Lê Hằng	227.024.150.000	-
Bà Ngô Thị Thủy	12.249.800.000	-
Bà Lê Như Hoa	10.722.030.000	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng thu nhập của Hội đồng Quản trị	-	-
Tổng thu nhập của Ban Kiểm soát	-	-
Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	522.426.668	233.090.000
Ông Tiền Quốc Việt	522.426.668	163.090.000
Bà Phạm Thị Giang	-	70.000.000
Cộng	522.426.668	233.090.000

Số dư với các bên liên quan

Tại ngày 31/12/2025, Công ty không có số dư với các bên liên quan.

6.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

6.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam.



Tiền Quốc Việt
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Năm
Phụ trách Kế toán

Nguyễn Thị Năm
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOẢN HVS VIỆT NAM

Số 12 /CV/HVS-2026

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế

TNDN Năm 2025 tăng hơn 10% so với

Năm 2024 và KQKD chuyển từ lỗ sang

lãi.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOẢN NHÀ NƯỚC

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN HVS VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 4, Trung tâm thương mại dịch vụ Công Vị, Số 2 Phố Liễu Giai, phường Ngọc

Hà, TP Hà Nội

Điện thoại: 024 388 69 999

Fax:

Công ty Cổ phần chứng khoán HVS Việt Nam giải trình Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo tài chính Năm 2025 so với Năm 2024 tăng hơn 10% và Kết quả kinh doanh chuyển từ lỗ sang lãi như sau:

Đơn vị tính: đồng.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Chênh lệch	% Thay đổi
1	Doanh thu hoạt động	9,748,159,993	785,021,932	8,963,138,061	1142%
2	Chi phí hoạt động	1,428,670,392	122,414,575	1,306,255,817	1067%
3	Doanh thu tài chính	36,702,003	5,868,674	30,833,329	525%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6,609,649,858	1,576,796,656	5,032,853,202	319%
5	Doanh thu hoạt động khác	(109,921,087)	(209,732,950)	99,811,863	-48%
6	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1,636,620,659	(1,118,053,575)	2,754,674,234	
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	194,657,972		194,657,972	
8	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1,441,962,687	(1,118,053,575)	2,560,016,262	

Giải trình: Trong năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 300,195,980,000 VND vào ngày 12/5/2025, đa phần số vốn tăng trên chưa được sử dụng đến nên Công ty đang tạm thời duy trì dưới hình thức các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn trong thời gian chờ giải ngân. Do đó, Công ty có nguồn doanh thu khá lớn từ khoản lãi tiền gửi này. Vì vậy, tỷ lệ tăng trưởng doanh thu hoạt động Năm 2025 tăng

cao hơn so với doanh thu năm 2024 là 1142%. Tỷ lệ tăng của chi phí hoạt động và chi phí quản lý doanh nghiệp so với cùng kỳ năm 2024 là 1067%. Điều này dẫn đến lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 1.441 triệu đồng, tăng 2.560 triệu đồng, tăng hơn 10% so với năm 2024 và ghi nhận chuyển từ lỗ sang lãi.

Công ty cổ phần Chứng khoán HVS Việt Nam xin báo cáo để Quý cơ quan được biết.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HVS VIỆT NAM ^{SCT}



TỔNG GIÁM ĐỐC
Kiên Quốc Việt